

BẢNG SO SÁNH VÀ LÝ GIẢI ĐÚNG/SAI GIỮA HAI BẢN DỊCH VIỆT VĂN KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC

1. Của lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm (mạo danh HT. Thích Đức Niệm) và cư sĩ Minh Chánh
2. Của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Trung tâm dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang)

Lời nói đầu:

Bảng so sánh này làm ra nguyên là của một vị lão Hòa Thượng hơn 70 tuổi tu Tịnh Độ, là sư phụ của tôi.

Nhân duyên tôi nhận được bảng so sánh này từ em trai tôi cũng là một cư sĩ. Cách đây không lâu, cư sĩ lên thăm Hòa Thượng và mang về một tờ giấy so sánh hai bản dịch Việt văn kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) rất chi tiết. Cư sĩ vui mừng hơn hở, bèn kể cho tôi biết.

Cư sĩ được nghe Hòa Thượng nói về sự chính xác của bản Việt văn kinh Vô Lượng Thọ do Trung tâm dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang dịch mà từ trước tới nay chưa có bản Việt dịch nào làm đến được như vậy. Tôi biết không ít người đã gắng công dịch bộ kinh này từ Trung văn ra Việt văn; tôi đã thấy qua hơn 10 bản dịch, không biết rằng số bản dịch tôi chưa được thấy còn nhiều đến bao nhiêu? Những bản Việt dịch ấy đa số đều do một mình dịch giả tự lợ mọ làm lấy và phổ biến.

Trong số các bản Việt dịch đó thì có một bản Việt dịch hiện nay được lưu thông rộng rãi nhất so với các bản Việt dịch khác; nhưng thật đáng tiếc là bản Việt dịch này có khá nhiều sai sót trong khi dịch từ Trung văn sang Việt văn kể cả sai về câu chữ lẫn sai về nghĩa lý bộ kinh.

Nhân đây, tôi cũng xin dùng chút hiểu biết cạn cợt mà chứng minh rằng lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm ngài không dịch bản kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) với mong muốn giữ gìn trọn vẹn danh tiếng, đức hạnh và sự sáng suốt của một bậc lão tăng chân thật tu hành - chân thật đã được vãng sanh Cực Lạc.

Tôi nhận thấy rằng nhờ bảng so sánh tỉ mỉ này mà một bản kinh Vô Lượng Thọ dịch ra tiếng Việt chuẩn xác nhất sẽ được lưu thông thật nhanh chóng, thật mạnh mẽ, rộng khắp mọi nơi; tránh được sự nghi ngờ khi hành giả đọc, tụng, giảng giải: “Bản dịch nào mới là đúng?” hoặc “Bản kinh mình đang đọc, tụng, nghiên cứu, giảng giải đã thật đúng chưa?”. Vì khi người đọc hiểu sai ý chỉ bộ kinh này cho

đến hiểu sai một câu chữ; hoặc phát sanh tâm nghi ngờ thì đều làm mất đi lợi ích vô cùng to lớn đối với sự vãng sanh ngay trong đời tu hành này của hành giả.

Do vậy, tôi nghĩ phải đánh máy lại cẩn thận bản so sánh này và phổ biến rộng khắp cho chư vị đồng tu, để ai ai cũng đều có trách pháp nhãn phân biệt được phải trái, đúng sai, thiện ác một cách rõ ràng.

Tôi chỉ nguyện lời Phật dạy trong kinh Vô Lượng Thọ đến được với chư vị đồng tu một cách viên mãn nhất có thể, mong đem được công sức của những bậc hiền nhân đã khổ công dịch chính xác ra Việt văn bộ kinh Vô Lượng Thọ này, cũng như của những bậc hiền nhân đã bỏ tâm sức chỉ bày cho mọi người nhìn được chỗ sai mà sửa đổi lại cho thành đúng; mong rằng mọi người đều có được bản kinh Vô Lượng Thọ Việt dịch đúng pháp dịch kinh, đúng về văn tự, văn tự tao nhã và quan trọng hơn hết là đúng về nghĩa lý, tông chỉ của bộ kinh Vô Lượng Thọ giúp cho chư vị đồng tu an tâm mà dựa vào kinh văn hành trì, rảo bước trên đường về Cực Lạc.



Một số điều tôi nhận thấy, lý giải được khi đọc bản so sánh và muốn chia sẻ với chư vị đồng tu Tịnh Độ:

1. Tại sao bản kinh Vô Lượng Thọ mà lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch là đúng pháp dịch kinh?

“Vì dịch kinh phải tuân theo quy củ xưa, nhất định không thể một hai người độc lập dịch một bộ kinh. Như ở tại Trung Quốc ngày xưa dịch kinh thì đều do tập thể cùng nhau làm, phạm hễ dịch một bộ kinh, thì phải lập ra pháp hội, thỉnh giảng sư đến giảng bộ kinh này, tất cả người dịch thầy đều tham gia nghe giảng, chân thật hiểu, thật tường tận rồi mới khởi bản thảo, có nghi hoặc lập tức phải hỏi ngay. Sau khi dịch xong bản thảo, phải đọc cho mọi người nghe xem đại chúng có ý kiến gì không? Có từ ý nào hay hơn không để nhuận văn, tu đính, làm cho bản dịch được tận thiện tận mỹ, khiến mọi người khi tiếp xúc quyển kinh đều có thể sanh tâm hoan hỷ.

Cho nên bản dịch không nên do một hai người làm, mà nên do một tập thể làm. Chúng ta thường xem thấy trên các bộ kinh dịch ra đều có tên một người phiên dịch ở đề kinh, thực ra người trên đề kinh là chủ biên trong đạo tràng dịch kinh đó, không nhất định phải do ông ấy dịch, phải nêu tên tuổi ông ấy để gánh trách nhiệm đối với bản dịch này, cũng nhằm chứng minh bản dịch này không sai, có thể lưu thông, được pháp hội dịch kinh đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Lịch sử ghi chép dịch trường của pháp sư Cưu Ma La Thập có hơn 400 người, dịch trường của pháp sư Huyền Trang có hơn 600 người.”

(Trích giảng kinh Vô Lượng Thọ khái giảng lần thứ 10 tại Hội Phật giáo Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba - Phần 21 – Pháp sư Tịnh Không giảng)

Trung tâm dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang ở số 116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, Sài Gòn và lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh ngài là Viện chủ.

Dịch trường này đã dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ tuân theo đúng pháp dịch kinh:

*Khi dịch trường Huệ Quang khởi dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) thì đã được rất đông các vị có trình độ Trung văn Phật học uyên bác tham gia, ít nơi nào có được và lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh được hiểu là chủ biên trong đạo tràng dịch bộ kinh này từ Trung văn ra Việt văn. Ngoài tên hiệu của lão Hòa Thượng chủ biên ra, tôi cũng muốn ghi vào trang giấy này thật dài tất cả tên hiệu của những vị đã tham gia dịch bộ kinh ấy với mong muốn chư vị đồng tu Tịnh Độ đều biết đến mà cảm được cái ân sâu, nhưng tôi không được sự đồng ý.

*Khoảng thời gian đạo tràng này bắt đầu dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) ra Việt văn: tôi được nghe lão Hòa Thượng làm ra bản

so sánh này nói rằng bản thảo của bộ kinh đã dịch xong từ trước năm 2012 rất lâu rồi, không chính xác là được mấy năm nữa. Sau khi dịch xong bản thảo, vì dịch trường Huệ Quang còn phải ra công tỉ mỉ, cẩn thận chỉnh sửa, nhuận văn, tu đính bản thảo rất nhiều nên mãi đến năm 2012 mới có bản in lần đầu tiên; tuy vậy, bản dịch lần đầu tiên này vẫn mang một số sai sót; cũng lại phải trải qua nhiều lần ra công tỉ mỉ, cẩn thận chỉnh sửa, nhuận văn, tu đính khá nhiều nữa thì đến năm 2014 mới hoàn thành; lúc đã dịch hoàn chỉnh được bộ kinh, có người hỏi lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh rằng: “Hòa Thượng có chỉnh sửa gì thêm nữa không ạ?”, ngài nói rất quả quyết làm ai nấy đều vui mừng: “Không chỉnh sửa gì thêm nữa!”.

*Bản thân tôi chỉ là một cư sĩ tu hành Tịnh Độ cầu sanh Cực Lạc mà cũng tìm nghe giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) rồi, thì không có lý gì mà những vị dịch giả trình độ Trung văn Phật học uyên bác kia, khi dịch một pháp bảo quý báu nhất của chư Phật trao cho chúng sanh lại khinh suất việc này được!

*Lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh cũng từng nói với lão Hòa Thượng làm ra bản so sánh này rằng: “Nếu bây giờ cho chúng tôi dịch lại bộ kinh này, thật sự chúng tôi không thể dịch đến được như vậy nữa, đó toàn là nhờ chư Phật gia hộ, vì có những từ ngữ mà bây giờ muốn tìm lại cũng không biết là lúc đó đã tìm ở đâu ra!”. Chư vị đồng tu nên biết, đại lão Hòa Thượng thượng Trí hạ Tịnh khi phiên dịch kinh điển ra Việt văn, có những từ ngữ ngài đã tìm trong cả gần 10 cuốn đại từ điển Phật học với mong muốn bản kinh dịch ra được tận thiện tận mỹ nhưng cũng chưa thể tìm thấy, mới biết rằng có được một bản kinh Việt dịch hoàn hảo thật sự quý giá vô cùng; tâm sức của những vị hết lòng phiên dịch kinh điển ra Việt văn theo đúng pháp dịch kinh ấy không thể dùng lời lẽ nào nói cho hết được.

2. Tại sao nói lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm không dịch bản kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư): lão Hòa Thượng ngài là một bậc đức cao vọng trọng trong tông Tịnh Độ Việt Nam, thông hiểu pháp môn Tịnh Độ, ngài cũng rất nổi tiếng cả trong và ngoài nước. Trong cuộc đời hoằng dương Phật pháp của ngài có những tác phẩm sau:

1. Câu Xá Luận Cương Yếu (Dịch 1985)
2. Kinh Bảo Tích Giảng Giải (Dịch và giải 1986)
3. Phật Pháp Yếu Nghĩa (Biên soạn 1988)
4. Lược Truyện Tiên Thân Đức Phật (Soạn dịch 1988)
5. Tại Gia Bồ Tát Giới (Soạn dịch 1989)

6. Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận (Soạn dịch 1989)

7. Kinh Thắng Man Giảng Giải (Dịch giải 1990)

8. Phương Pháp Cải Đồi Vận Mạng (Soạn dịch 1991)

9. Người Muôn Thuở (Sáng tác 1996)

10. Những Mùa Vu Lan (Sáng tác 1996)

11. Cho Trọn Mùa Xuân (Sáng tác 1996)

12. Kinh Kim Cang Bát Nhã Giảng Luận (Dịch 1997)

13. Tâm Kinh Yếu Giải (Dịch 1998)

14. Thiện Tài Cầu Đạo (Soạn dịch 1998)

Trong tất cả các tác phẩm của ngài không có ghi kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư hay bất kỳ một nguyên bản Trung văn kinh Vô Lượng Thọ nào khác). Lão Hòa Thượng học cao nên lối hành văn khá hay, nếu chư vị nào đã đọc các tác phẩm của ngài sẽ thấy rõ; nhưng bản Việt dịch này kinh văn lại dịch khá lủng củng, khá thô, đọc thấy hơi buồn cười, ví dụ như: "...nhục nhãn thì so đo..." (Chương 30, trang 88), "...dung cách trùm cả thái hư..." (Chương 32, trang 93), "...không ngoài tình dục..." (Chương 33, trang 97) .v.v...

Hơn nữa, một bậc lão Hòa Thượng thông hiểu Tịnh Độ như ngài; không có lý do gì khi dịch bộ kinh quan trọng nhất trong tất cả các kinh điển của Tịnh Độ lại dịch đối nghịch với nghĩa lý của những tác phẩm mà ngài đã trước tác ra để chỉ dạy cho người khác về Tịnh Độ.

3. Trước khi đi vào so sánh và lý giải, kẻ ngu tôi không biết nói gì, xin mượn lời của lão Hòa Thượng thượng Duy hạ Lực đại diện cho pháp hội dịch bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm của ngài nói lời mở đầu bộ kinh, trong lời mở đầu của bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm, ngài nói rằng: "Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại, văn ngôn đời xưa quá xúc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời, người xưa nói 'đọc chỗ chẳng có chữ' là vậy. Chúng tôi gặp những trường hợp này thì thêm lời vào nhằm sáng tỏ ý nghĩa ẩn trong văn. Những danh từ tiếng Hán mà tiếng Việt ít dùng lại không thể dịch ra tiếng Việt thì chúng tôi ghi chú, còn những nghĩa lý thâm sâu khó hiểu thì chúng tôi lược giải thêm. Chúng tôi muốn tránh chỗ tối nghĩa để cho người đọc dễ hiểu nên chẳng chú ý đến sự trau chuốt lời văn xin đọc giả từ bi hoan hỷ cho."

3. Trong kinh có nói: "Không được hư vọng thêm bớt kinh pháp..." (Chương 46 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh): bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm đem so với bản dịch của lão Hòa

Thượng thượng Minh hạ Cảnh và bản Trung văn của kinh Vô Lượng Thọ thì có chỗ dịch bị thiếu văn tự (bớt kinh), có chỗ dịch lại thừa văn tự (thêm kinh), có chỗ dịch bị sai văn tự (có thể nói đây chính là hư vọng) so với nguyên bản hội tập bằng Trung văn; đều là chưa làm đến được như lời Phật dạy, thật đáng tiếc lắm.

Đoạn kinh văn trên, Trung văn như sau: 無得為妄, 增減經法。 , phiên âm Hán-Việt dịch ra là: “*Vô đắc vi vọng, tăng giảm kinh pháp.*” và Việt văn cư sĩ Như Hòa dịch ra là: “*không được làm quấy, tăng giảm kinh pháp.*” (Trích kinh văn từ Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ do cư sĩ Như Hòa chuyển ngữ, in lần thứ 3).

Đoạn kinh văn trên, bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch như sau: “...*, kinh pháp nhiều ít nhớ kỹ không quên quyết được đạo quả.*”; nếu theo ý bản dịch này thì mỗi người tu Tịnh Độ chỉ cần nhớ kỹ một ít kinh pháp mà Phật dạy (không rõ ở đây ám chỉ bộ kinh Vô Lượng Thọ hay bộ kinh nào khác?) chứ không cần nhớ nhiều, nhớ không quên, có lẽ cũng không cần phải hiểu và hành trì gì cả thì quyết định sẽ được đạo quả (cũng không rõ ở đây ám chỉ quả gì?).

Bởi vậy, sao hàng hậu học chúng ta dám mở miệng nói rằng lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm ngài đã dịch ra những câu kinh như vậy? Ngài có trình độ uyên bác về Phật pháp thì không có một lý do gì ngài lại dịch đoạn kinh văn trên ra Việt văn một cách hồ đồ như vậy được! Phía dưới xin lấy dẫn chứng cụ thể hơn từ tác phẩm Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận của ngài, để chư vị thấy trong tác phẩm ấy có đoạn mâu thuẫn về nghĩa lý với bản dịch chưa chính xác kia; không lý nào ngài trước tác về Tịnh Độ một đằng lại đi dịch một bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh Độ một nẻo, khác nào tự mình chống đối chính mình?

Theo ngu ý của tôi, tất cả các dịch giả đã, đang và sẽ phát tâm dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) ra Việt văn đều hết sức đáng ca ngợi, đáng đánh lễ, đáng cúng dường; đây là tâm nguyện của bậc bồ-tát muốn độ chúng sanh mới có thể làm được như vậy. Nhưng có lẽ Thích Ca Mâu Ni Phật biết được sẽ có tình trạng như trong kinh nói: “...*hư vọng thêm bớt kinh pháp...*” nên Phật đã dạy ngay trong bộ kinh là: “*Không được hư vọng thêm bớt kinh pháp...*” (Chương 46 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh) chẳng?

Người Trung Quốc đã có được bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) bằng Trung văn chính xác nhất. Nhưng những bậc long tượng trong Phật pháp như ngài Hoàng Niệm Tổ vẫn phải viết ra Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ vì e rằng “tứ chúng người Hoa, nhất là hàng tại gia cư sĩ ở hải ngoại, nhiều người thiếu căn bản Hán học nên chưa thể lãnh hội trọn vẹn ý chỉ Kinh Vô Lượng Thọ” (ý này trích từ tiểu sử ngài Hoàng Niệm Tổ dựa theo tài liệu của hội Trung

Hoa Bảo Điền - Hoa Lục). Hay như lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không ngài đã phải giảng dạy bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) hơn 10 lần, mỗi lần giảng đến vài trăm ngày lên pháp tòa, mỗi khi lên pháp tòa ngài giảng khoảng 2 giờ, giảng khắp thế giới, lão Hòa Thượng ngài đã lớn tuổi, còn phải cực khổ với mục đích gì? Vì người tu Tịnh Độ ở Trung Quốc mặc dù có được bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ bằng Trung văn chính xác nhất nhưng rõ ràng họ vẫn chưa thể thông hiểu hết kinh văn.

Thiết nghĩ, người Trung Quốc đọc bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ngài Hạ Liên Cư mà còn như vậy, huống chi người Việt Nam chúng ta đang đọc rất nhiều bản Việt dịch dịch không tuân theo pháp thức dịch kinh dẫn đến dịch sai, dịch thiếu, có bản dịch còn thêm ý riêng của người dịch vào, có bản dịch dịch không sai nhưng chưa chính xác hoàn toàn; vậy thì làm sao chúng ta có thể hiểu đúng mà hành trì đúng như lời Phật dạy trong kinh Vô Lượng Thọ được? Thật đau xót và đáng tiếc lắm thay!

Tôi cũng lại đưa ra một ngu ý nữa, chư vị nào đã đọc chú giải kinh Vô Lượng Thọ của ngài Hoàng Niệm Tổ do cư sĩ Như Hòa chuyển ngữ thì biết trong đó cũng có bản Việt dịch bộ kinh, chư vị thử đánh giá xem dịch trường Huệ Quang dùng lối hành văn, dùng từ ngữ so với cư sĩ Như Hòa hơn kém nhau như thế nào? Dịch có sát được ý chỉ bộ kinh ở bản Trung văn hơn không? (Hoặc đọc 8 chữ trong đoạn kinh Việt dịch trên cũng có thể thấy khá rõ ràng). Xin để chư vị tự đánh giá, còn bản thân tôi đã đọc kỹ nhiều lần và thấy rằng dịch trường Huệ Quang dịch hay hơn rất rất rất nhiều, lối hành văn cùng lời văn trau chuốt đẹp đẽ, âm điệu bằng trắc, vừa hùng tráng vừa nhẹ nhàng; ý chỉ của bộ kinh được dịch sát hơn rất rất rất nhiều so với bản dịch của cư sĩ; còn những điểm dịch chưa chính xác trong bản Việt dịch của cư sĩ tôi xin không nói đến ở đây. Nếu cư sĩ có nhân duyên đọc được ngu ý này, xin cư sĩ hoan hỷ mà rộng lòng bỏ qua cho, tôi cũng chỉ mong lời Phật dạy trong kinh Vô Lượng Thọ đến được với chúng sanh viên mãn nhất có thể, để một người được đọc thì một người vãng sanh, muôn người được đọc thì muôn người vãng sanh.

Tôi cũng lại xin mượn lời của lão Hòa Thượng thượng Duy hạ Lục khi ngài dịch bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm mà nói rằng: “Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại, văn ngôn đời xưa quá xúc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời, người xưa nói ‘đọc chỗ chẳng có chữ’ là vậy. Chúng tôi gặp những trường hợp này thì thêm lời vào nhằm sáng tỏ ý nghĩa ẩn trong văn...”; xin chư vị lưu ý là thêm lời vào phải nhằm làm sáng tỏ nghĩa ẩn trong văn, chứ không phải là thêm thắt lời bừa bãi theo ý riêng của mình để rồi dịch sai nghĩa lý, sai tông chỉ của bộ kinh.

Theo ngu ý của tôi: nếu là dịch các trước tác của chư bồ-tát, chư Tổ, chư đại đức thì có thể dịch sai sót câu chữ hay nghĩa lý một chút cũng không sao, miễn sao

đúng được cốt tủy, đường hướng của tác phẩm là được (Về Sự thì nói như vậy chỉ để giảm nhẹ, nhưng về Lý thực sự nếu dịch chưa chính xác đều có tội, mang lỗi rồi). Nhưng một khi đã ra công phiên dịch kinh điển của Phật, đặc biệt là pháp bảo quý báu nhất này thì phải dịch cho viên mãn, không thể nào để kém khuyết một chút trong bản dịch ra chứ đừng nói đến là dịch sai hoặc dịch chưa sát. Muốn làm được như vậy, chỉ có làm đúng pháp dịch kinh của chư cổ đức ngày xưa đã lập ra và nhờ oai thần gia hộ của chư Phật mười phương mới có thể làm đến được như vậy.

Nhân đây, tôi cũng lại thêm một ngụ ý nữa: chư vị không nên tự một mình mình lọ mọ dịch ra Việt văn một bộ kinh nào của Phật, nhất là hàng cư sĩ tại gia, nếu có ý định dịch kinh vì mang tâm nguyện bồ-tát độ chúng sanh thì nên đề xuất và góp sức mình vào những dịch trường lớn của Việt Nam như Trung tâm dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang; xin trích đoạn giảng kinh Vô Lượng Thọ của lão Pháp sư thượng Tịnh hạ Không như sau: *“Quý vị đọc bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ bồ-tát. Nếu quý vị khuyên được hai người niệm Phật mà hai người đó chân thật được vãng sanh. Trong số những người được quý vị khuyên dạy, phải có hai người thực sự niệm Phật chân thật được vãng sanh, công đức ấy thù thắng hơn chính mình niệm Phật. Nếu trong số những người được quý vị khuyên, có mười mấy người chân thật được vãng sanh, công đức của quý vị vô lượng vô biên. Nếu có được mấy trăm người cho đến cả ngàn người, những người được quý vị khuyên chân thật được vãng sanh thì quý vị thực sự là bồ-tát; khuyên được vạn người chân thật được vãng sanh thì quý vị là A-di-đà Phật tái lai”*.

Vậy tôi cũng dám nói rằng: “Nếu quý vị dịch sai bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) từ Trung văn ra Việt văn, do người đọc hoặc hiểu sai ý chỉ cho đến hiểu sai câu chữ của bộ kinh, hoặc hành trì sai, hoặc sanh tâm nghi ngờ; chân thật làm mất đi cơ hội vãng sanh thành Phật của một người chứ đừng nói đến của cả ngàn vạn người, thì quý vị chắc chắn đã gặp rắc rối to rồi!”.

4. Trong bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh có đoạn như sau:

“CHƯƠNG HAI

VÃNG THEO ĐỨC HẠNH BỒ-TÁT PHỔ HIỀN

Lại có mười sáu chánh sĩ bồ-tát làm bậc thượng thủ, các vị ấy là, ngài Thiện Tư Duy, ngài Huệ Biện Tài, ngài Quán Vô Trụ, ngài Thân Thông Hoa, Hiền Hộ, Quang Anh, Bảo Tràng, Trí Thượng, Tịch Căn, Tín Huệ, Nguyễn Huệ, Hương Tượng, Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hành, Giải Thoát.”

Tại sao lão Hòa Thượng ngài lại để ngài Thiện Tư Duy lên đầu kinh văn, trong khi nguyên bản Trung văn là ngài Hiền Hộ?

Điều thứ nhất: là điều quan trọng nhất

Danh hiệu Hiền Hộ ngụ ý Như Lai khéo hộ niệm các bồ-tát. Sáu chữ hồng danh Nam Mô A-di-đà Phật dùng độ khắp ba căn, giải thoát cho tất cả chúng sanh, là ý nghĩa của chữ Hiền Hộ, đây là tha lực. Danh hiệu Thiện Tư Duy biểu thị sự hiểu biết trọn vẹn, tin sâu trí huệ của Phật, lại còn biểu thị: bồ-tát Pháp Tạng lúc còn tu nhân, phải tư duy trong năm kiếp mới kết thành 48 đại nguyện. (Trích ý trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của ngài Hoàng Niệm Tổ)

Trong kinh, Thế Gian Tự Tại Vương Tôn Phật giảng nói kinh pháp cho bồ-tát Pháp Tạng như sau: “...*Ông tự suy nghĩ, tu phương pháp nào để thành tựu được cõi Phật trang nghiêm. Phương pháp tu hành, ông nên tự biết, cõi nước trong sạch của các đức Phật, ông tự chọn lấy...*” (Chương 5 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh); “Ông tự suy nghĩ” khi phiên âm Hán-Việt là “*Nhữ tự tư duy*”, cũng nằm trong ngụ ý của danh hiệu Thiện Tư Duy, đây là tự lực. Ở đây, đức Phật dạy bồ-tát Pháp Tạng trước tiên phải tự mình thiện tư duy, cũng có thể nói Phật dạy bồ-tát Pháp Tạng phải tự lực trước.

Trong kinh, Bồ-tát Pháp Tạng lại tiếp tục cầu Thế Tự Tại Vương Tôn Phật: “*Nghĩa này rộng lớn, lại quá sâu xa, không phải cảnh giới của con chứng được. Xin nguyện Như Lai, bậc hiểu biết khắp, nói về vô lượng cõi nước vi diệu của các đức Phật. Nếu con được nghe, con sẽ suy xét, tu tập thành tựu lời nguyện cầu này.*” (Chương 5 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh); vì bồ-tát Pháp Tạng tự lực của mình không thể nào thâm nhập được cảnh giới chư Phật nên nguyện nhờ ở tha lực của đức Phật giúp cho, cũng chính là ngụ ý của danh hiệu Hiền Hộ.

“**Tự lực, tha lực vốn bất nhị**; người chịu nhờ cậy vào tha lực thì mới có thể sanh nổi lòng tin trong sạch nơi pháp khó tin này; khó tin mà tin nổi lại toàn là do trí huệ vô thượng chính ở nơi người đó, đó lại chính là tự lực. Chỉ cần tin nhận, thật thà niệm Phật thì tự nhiên Năng – Sở đều mất; tự tánh hiện bày rõ ràng, từ Sự trì đạt đến Lý trì, tâm phàm phu biến thành tâm Phật.” (Trích ý trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của ngài Hoàng Niệm Tổ)

Nếu đã nói tự lực và tha lực vốn không hai, danh hiệu Thiện Tư Duy và Hiền Hộ là một thì lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh đặt danh hiệu ngài Thiện Tư Duy bồ-tát lên đầu tiên là dịch rất chính xác, là dịch không sai một chút nào, đúng theo tông chỉ bộ kinh; hay có thể nói danh hiệu ngài Hiền Hộ bồ-tát đặt lên đầu tiên hoặc danh hiệu ngài Thiện Tư Duy bồ-tát đặt lên đầu tiên không có gì khác nhau cả.

Tôi cũng cho rằng đây là bản Việt dịch khế hợp mọi mặt với người tu Tịnh Độ Việt Nam chúng ta; chư Phật muốn chúng ta phải tự lực bản thân mình cố gắng nhiều hơn nữa trên đường đi về Cực Lạc, "...phải nên tin tưởng, trông các căn lành, thường phải tu tập, đừng để nghi trệ mà thành tù ngục trong núi châu báu..." (Chương 5 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh). Trong tâm tôi nghĩ, bản dịch này đối với người tu Tịnh Độ Việt Nam còn chỉ bày điều quan trọng nhất là: chư Phật muốn đồng tu Tịnh Độ Việt Nam chúng ta phải "Thiện Tư Duy" để có trách pháp nhãn nhìn thấu mà chọn ra một tấm bản đồ chỉ đường (bản Việt dịch) chính xác nhất giúp chúng ta đời này chắc chắn vãng sanh Cực Lạc; nhìn thấu được đâu là chánh – tà, thiện – ác mới có thể hộ trì (Hiền Hộ) được Phật pháp không bị làm lẫn; không hồ đồ tự mình biến thành quyến thuộc của ma đi phá hoại Phật pháp.

Điều thứ hai: "Thiện Tư Duy" là 3 chữ, thêm chữ "ngài" là thành 4 chữ; "Huệ Biện Tài" và "Quán Vô Trụ" cũng 3 chữ, cũng thêm chữ "ngài" thành 4 chữ; "Hiền Hộ" là 2 chữ, thêm "Quang Anh" 2 chữ nữa là thành 4 chữ; cứ như vậy đọc rất thuận. Vì ở đây lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch theo âm vận khi đọc là 4 chữ một – 4 chữ một, điều này sẽ giúp cho người đọc và người nghe dễ dàng thâm nhập kinh văn khi đọc tụng, cũng rất dễ thuộc lòng bộ kinh; bản dịch sẽ đạt được nhiều lợi ích to lớn đối với người đọc và người nghe.

Điều thứ ba: 16 chánh sĩ bồ-tát đó đều là bậc thượng thủ của hàng bồ-tát tại gia, đều bình đẳng như nhau trong pháp hội thì đặt danh hiệu bồ-tát Thiện Tư Duy lên đầu tiên là không sai; cũng giống như ngài Phổ Hiền, Văn Thù đều là thượng thủ trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật vậy (Trích ý theo sách Hội Sớ và Bình Giải).

5. Điều sai quan trọng nhất ở bản Việt dịch chưa chính xác này là sai về nghĩa lý, tông chỉ của bộ kinh: Nếu ví bộ kinh Vô Lượng Thọ như tấm bản đồ đi về Cực Lạc, hành giả cứ lần theo kinh mà hành thì sẽ vãng sanh. Vậy thử hỏi bản đồ sai thì hành giả đi có đến được đích không? Có đảm bảo an toàn không bị lạc vào chỗ nguy hiểm trên đường đi không? Thế thì dùng bản kinh dịch chưa chuẩn xác gây họa hại đến nhường nào?

Trong tất cả các chương có sự sai sót thì chương 6 (nói về 48 đại nguyện của A Di Đà Phật) lại có nhiều sự sai sót nhất, thật đáng tiếc lắm.

Ở đây, xin nêu ra 4 sự so sánh làm dẫn chứng cơ bản, sẽ đi từ lỗi sai nhỏ đến lỗi sai lớn, còn bảng so sánh chi tiết xin chư vị đồng tu nghiên cứu ở dưới:

1. Trong chương 10 của bộ kinh, bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch: "Nghe Phật nói về Phật A-di-đà lúc làm bồ-tát cầu được nguyện này, vương tử Xà-thế, năm trăm trưởng giả lòng rất vui mừng, mỗi vị đều cảm một

chiếc long vàng cùng đến trước Phật, đánh lễ dâng lọng.”; còn bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch là “một bó hoa bằng vàng”.

Bản Trung văn của đoạn kinh này như sau: 佛說阿彌陀佛為菩薩求得是願時，阿闍王子，與五百大長者，聞之皆大歡喜，各持一金華蓋，俱到佛前作禮。； phiên âm Hán-Việt như sau: “Phật thuyết A-di-đà Phật vi bồ-tát cầu đắc thị nguyện thời, A Xà vương tử, dữ ngũ bách đại trưởng giả, vãn chi giai đại hoan hỷ, các trì nhất kim hoa cái, câu đao Phật tiền tác lễ,...”.

Chữ 蓋 (“cái”) nghĩa là cái lọng báu để cúng Phật. (Trích trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của ngài Hoàng Niệm Tổ)

Chữ 華 (phiên âm La-Tinh là “huá”, chữ này có rất nhiều nghĩa: người Hoa, Hoa kiều, Trung Hoa; còn có nghĩa là phần vinh: phần hoa; rất sáng chói: hoa lệ; chỉ thời gian: thiệu hoa, niên hoa; bộ phận tinh túy nhất của sự vật: tinh hoa; vàng sáng màu xuất hiện xung quanh mặt trời, mặt trăng: nhật hoa, nguyệt hoa; ngoài ra cũng còn có nghĩa phù hoa không thực như là xa hoa; v.v... và rất nhiều nghĩa khác nữa.)

Vậy, “Nhất kim hoa cái” ở đây nghĩa là “một chiếc lọng vàng” chứ không thể dịch là “một bó hoa bằng vàng” được.

2. Khi nói về hoa sen báu của cõi Cực Lạc, bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch là: “hoa sen bảy báu” (Chương 24 – trang 72 – hàng 11 từ trên đếm xuống); “trong hoa thất bảo” (Chương 40 – trang 122 – hàng 7 từ dưới đếm lên); bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch tương ứng như sau: “ao bảy báu” (Chương 24 – trang 95 – hàng 2 đến 3 từ trên đếm xuống) và “trong hoa sen báu” (Chương 40 – trang 165 – hàng 2 từ dưới đếm lên).

Xin trích đoạn từ Kinh Phật Thuyết A Di Đà (Hán dịch: Dao Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập; Việt dịch: Ban Phiên Dịch Việt Ngữ, Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, Vạn Phật Thánh Thành) nói về hoa sen báu trong ao thất bảo của cõi Cực Lạc như sau:

“Lại này Xá-lợi-phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, nước tám công đức tràn đầy trong đó...”

Hoa sen trong ao lớn như bánh xe, màu xanh có ánh sáng xanh, màu vàng có ánh sáng vàng, màu đỏ có ánh sáng đỏ, màu trắng có ánh sáng trắng, thơm ngát vi diệu.”

Trong A-di-đà kinh yếu giải, Ngẫu Ích đại sư nói về hoa sen báu ở cõi Cực Lạc như sau: “Vi: hoa có hình mà không chất, toàn là ánh sáng. Diệu: các hoa đi qua

lẫn nhau không chướng ngại. Hương: thơm. Khiết: vì không chất nên bụi bám vào đâu? Thai sen có 4 đức thì thân sanh ra cũng thế...”

Hoa đã nói chỉ có hình mà không chất, toàn là ánh sáng thì làm sao lại do bảy báu kết thành mà gọi là “hoa sen bảy báu” hay “hoa thất bảo” được? Như vậy dịch “hoa sen bảy báu” hoặc “hoa thất bảo” là chưa chính xác, làm người đọc hiểu sai nghĩa lý của kinh văn.

Trong kinh có nói: “...Chúng sanh cõi đó muốn ăn thì có bát bằng bảy báu tự nhiên hiện đến...” (Chương 19 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh); chính bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm trong chương 19 cũng dịch là: “Khi muốn ăn, chén bát bằng bảy báu tự nhiên hiện ra...”, thật vô lý hết sức, chớ vị nghĩ thế nào về cách dịch này? Nếu hoa sen cõi Cực Lạc mà làm bằng bảy báu thì khác gì bát ăn cơm ở cõi đó?

Tôi tưởng tượng có một ông già, bà cả nào niệm Phật cầu sanh Cực Lạc khi đọc được đoạn kinh văn dịch sai này sẽ thốt lên rằng: “Ồ, hoa sen báu nơi cõi Cực Lạc mà tôi sẽ sanh vào cứng ngắt y chang cái bát ăn cơm bằng bảy báu trên cõi đó vậy!”.

Không chỉ một bản Việt dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch chưa chính xác mà khá nhiều bản Việt dịch khác cũng mắc lỗi vô lý như vậy, vì nguyên bản Trung văn ở chương 24 như sau: 經須臾間，即隨彼佛往生其國。便於七寶華中自然化生，智慧勇猛，神通自在。; phiên âm Hán-Việt là: “Kinh tu du gian, tức tùy bỉ Phật vãng sanh kỳ quốc, tiện ư thất bảo hoa trung tự nhiên hóa sanh, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại.”; Việt dịch: “Trong khoảng chốc lát, người đó theo Phật, sanh về nước ấy, lại được hóa sanh trong ao bảy báu, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại.” (Chương 24 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh).

Câu 七寶華中 (“thất bảo hoa trung”) nếu chỉ chăm chăm dịch theo câu chữ sẽ dịch như sau: 七 – thất (số 7), 寶 – bảo (báu), 華 – hoa (hoa), 中 – trung (trong); ghép lại là “hoa bảy báu”!

Như lời của lão Hòa Thượng thượng Duy hạ Lực đã nói: “Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại, văn ngôn đời xưa quá xúc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời, người xưa nói ‘đọc chỗ chẳng có chữ’ là vậy...”; nên nếu chỉ chăm chăm vào dịch câu chữ mà không chân thật thông hiểu tường tận bộ kinh, lĩnh hội trọn vẹn sự ảo diệu trong kinh thì gây tai họa lớn lắm.

Nhân tiện trong phần này đang nói về hoa sen báu của cõi Cực Lạc, tôi xin thêm một chút ý kiến về một lỗi trong bản dịch của cư sĩ Tâm Tịnh, còn những chỗ chưa chính xác khác tôi không tiện bàn đến ở đây. Nếu cư sĩ có nhân duyên đọc

được ngu ý này xin cư sĩ hoan hỷ mà rộng lòng bỏ qua cho, như trên đã giải bày, tôi cũng vẫn chỉ mong lời Phật dạy trong kinh Vô Lượng Thọ đến được với chúng sanh viên mãn nhất có thể, để một người được đọc thì một người vãng sanh, muôn người được đọc thì muôn người vãng sanh.

Ở chương 21, cư sĩ dịch như sau: “Lại hoa sen báu, đầy khắp thế giới, mỗi mỗi hoa sen, trăm ngàn ức lá, ...”; Trung văn của đoạn kinh như sau: 又 眾 寶 蓮 華 周 滿 世 界。一 一 寶 華 百 千 億 葉。; phiên âm Hán-Việt như sau: “Hựu chúng bảo liên hoa châu mãn thế giới. Nhất nhất bảo hoa bách thiên ức diệp.”

Chữ 葉 (“diệp”) ở đây nếu dịch là “lá” thì thật sự dịch rất tối nghĩa, chưa chính xác; chỗ này phải dịch là “cánh”, dịch là “Tất cả hoa đó có ngàn ức cánh...” (Chương 21 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh).

Tôi lại tưởng tượng có một ông già, bà cả nào đó niệm Phật cầu sanh Cực Lạc mà đọc được đoạn kinh có chỗ dịch chưa chính xác này sẽ thốt lên: “Ồ, hoa sen báu mà tôi sẽ hóa sanh vào đó cũng không đẹp lắm, vì xung quang toàn lá sen là lá sen, quá nhiều lá sen, vậy còn đẹp gì nữa”!!!; người học Phật lâu, có trình độ khá một chút sẽ hiểu, nhưng những người lớn tuổi và trình độ học Phật chưa cao rất có thể hiểu sai lầm như vậy lắm chứ, sao dám gọi là đã làm đến được việc bình đẳng độ chúng sanh: “độ khắp ba căn – lợi độn gồm thâu” tương ưng với nguyện lực của A-di-đà Phật trong kinh được?

Quả thật hơn 10 bản Việt dịch tôi đã thấy qua, chỉ có bản dịch do pháp hội dịch kinh mà lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh ngài chủ biên là thù thắng nhất, dịch được viên mãn nhất, một ông già, bà già hoặc người ít chữ nghĩa đọc xong cũng có thể hiểu được một cách tương đối rõ ràng, thấu đáo, không mơ hồ, không sai lầm.

3. Trước khi so sánh tiếp, tôi xin trích dẫn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn” (Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập; Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh) nói về bồ-tát Quán Thế Âm như sau:

"Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sinh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm bồ-tát này một lòng xưng danh. Quán Thế Âm bồ-tát tức thời xem xét tiếng tăm kia, đều được giải thoát.

Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được,... Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu bồ-tát này liền được chỗ cạn.

..., giả sử gió lớn thổi ghe thuyền của kia trôi tấp nơi nước quỷ La Sát, trong ấy nếu có nhân đến một người xưng danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát, thời các người đó đều được thoát khỏi nạn quỷ La Sát...

Nếu lại có người sắp bị hại, xưng danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát, thời dao gậy của người cầm liền gãy tành khúc, người ấy được thoát khỏi.

..., nghe người xưng hiệu Quán Thế Âm bồ-tát, thời các quỷ dữ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại được.

...gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát thảy đều đứt rã, liền được thoát khỏi.

... ‘Các thiện nam tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát, ...’.

Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: "Nam Mô Quán Thế Âm bồ-tát!", vì xưng danh hiệu bồ-tát nên liền được thoát khỏi."

Trong bộ kinh Vô Lượng Thọ, ở chương 28 có đoạn cuối cùng Thích Ca Mâu Ni Phật nói về bồ-tát Quán Thế Âm:

Bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch như sau: “*Nếu có thiện nam, hoặc tín nữ nào ở tại thế gian bị nạn khổ gấp, chỉ cần xưng niệm bồ-tát Quán Âm thì được giải thoát.*” (Trang 114 – hàng 1 đến 2 từ dưới đếm lên); còn bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch là “*...hướng tâm về Bồ-tát Quán Thế Âm...*” (Trang 86 – hàng 5 từ trên đếm xuống).

“Xưng niệm” rõ ràng là pháp Trì Danh niệm Phật ra tiếng, khi xưng niệm Nam mô Quán Thế Âm bồ-tát là đã có đủ ý nghĩa đem thân tâm quy mạng về Quán Thế Âm bồ-tát, đồng một ý nghĩa với kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn”, còn “hướng tâm” mang ý nghĩa không rõ ràng, làm người đọc không biết mình nên hành trì như thế nào mới đúng, cũng có thể xác nhận là bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch chưa chính xác, làm người đọc hiểu chưa đúng về ý chỉ kinh văn dẫn đến hành trì sai pháp thức.

Thử hỏi nếu có người nào đọc được đoạn kinh văn dịch sai này, trong lúc người đó “bị nạn khổ gấp” như trong Phẩm Phổ Môn đã lược nói, người đó thực hành pháp mà Phật đã dạy, vì đọc phải kinh văn dịch chưa chính xác nên người đó lại chỉ “hướng tâm” về bồ-tát Quán Thế Âm mà không “xưng niệm” danh hiệu Nam mô Quán Thế Âm bồ-tát thì kết quả sẽ như thế nào?

4.Ở chương 24, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy về ba bậc vãng sanh, bậc trung Phật nói như sau:

Bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch là: “Bậc trung tuy là không làm sa-môn tu công đức lớn, nhưng lại phát tâm vô thượng bồ-đề, một lòng nhớ nghĩ Phật A-di-đà, tùy sức tu hành, thành tựu công đức. Giữ gìn trai giới, xây

dựng chùa tháp, tô đắp tôn tượng, cúng dường sa-môn, thắp đèn treo phan, rải hoa đốt hương, đem công đức này hồi hướng nguyện sanh về cõi nước kia.” (Chương 24 – trang 95 – hàng 6 đến 7 từ dưới đếm lên).

Bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch là: “Hạng trung là những người tuy không làm sa môn, nhưng làm nhiều công đức, phát tâm Vô thượng Bồ đề, chuyên tâm niệm Phật A Di Đà. Tuy đã làm nhiều công đức giữ gìn trai giới, xây dựng tháp tượng, cúng dường treo phan đốt đèn dâng cúng hoa hương, tất cả đều phải hồi hướng nguyện sanh về Cực Lạc.” (Chương 24 – trang 73 – hàng 3 đến 4 từ trên đếm xuống).

Tôi xin trích từ tác phẩm Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận (Soạn dịch 1989) của lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm, ngài viết như sau: “Bởi vì, người thượng phẩm thì hay chuyên tâm hệ niệm, rộng tu công đức, phụng hành lục độ, nhứt là rộng tu cúng dường bố thí. Người trung phẩm tuy không thể chuyên tâm hệ niệm rộng tu công đức mà chỉ tùy lực tùy phận, tùy mình mà làm việc thiện hồi hướng Tịnh Độ.” (Trang 75 – hàng 7 đến 12 từ dưới đếm lên).

Vậy chư vị đã thấy rõ ràng lão Hòa Thượng ngài không hề nói “Hạng trung là những người tuy không làm sa môn, nhưng làm nhiều công đức...”; hai ý này đối nghịch nhau như nước với lửa, như nóng với lạnh: một bên thì nói là phải “làm nhiều công đức”, còn một bên thì nói là “không thể rộng tu (làm nhiều) công đức”. Như vậy tôi đã chứng tỏ cho chư vị thấy ngài không hề dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) mà đã có ai đó mạo danh ngài vì ngài đức cao vọng trọng, thậm chí có thể là mượn danh ngài để mạo danh viết lời mở đầu; hoặc là họ van xin ngài viết lời mở đầu bộ kinh (vì lòng từ bi muốn lợi ích chúng sanh mà ngài làm) trong khi ngài không hề dịch.

Lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch về ba bậc vãng sanh trong chương 24 như sau:

“Bậc thượng là người bỏ nhà lìa dục, làm bậc sa-môn, phát tâm bồ-đề, một lòng nghĩ nhớ đức Phật Di-đà, tu tập công đức, nguyện sanh nước đó. Nếu có chúng sanh muốn ngay đời này thấy Phật Di-đà, thì nên phát tâm Vô thượng bồ-đề, lại nên chuyên nhớ về nước Cực Lạc, gom góp căn lành hồi hướng nước kia. Sau sẽ thấy Phật, sanh về nước đó, được quả bất thoái cho đến quả Phật.

Bậc trung tuy là không làm sa-môn tu công đức lớn, nhưng lại phát tâm Vô thượng bồ-đề, một lòng nhớ nghĩ Phật A-di-đà, tùy sức tu hành, thành tựu công đức. Người đó tức thì theo hóa thân Phật mà được vãng sanh, chứng quả bất thoái cho đến quả vị vô thượng bồ-đề. Công đức trí huệ của những người này kém hơn bậc thượng.

Còn về bậc hạ, giả như không làm các thứ công đức mà lại phát tâm Vô thương bồ-đề, một lòng nhớ nghĩ đến Phật Di-đà, vui vẻ tin ưa, không sanh nghi hoặc, thành tâm nguyện sanh về cõi nước đó. Khi những người này sắp phải mạng chung, mộng thấy đức Phật, cũng được vãng sanh. Công đức trí huệ của những người này kém hơn bậc trung.”

Chúng ta thấy ba bậc vãng sanh Phật đều dạy cách lập cái Nhân để vãng sanh thành Phật giống hệt nhau, không khác nhau ghi ngay tại phần đầu mỗi đoạn kinh vẫn nói về từng bậc là: phát tâm Vô thương bồ-đề, một lòng nhớ nghĩ đến Phật A-di-đà và cái Quả thành tựu là: vãng sanh, chứng quả bất thoái cho đến quả Phật.

Tổ thứ 12, Triệt Ngô đại sư dạy rằng: “ ‘Thật vì sanh tử, phát tâm bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật’, mười sáu chữ này là cương tông của môn niệm Phật.”. 16 chữ này nói rằng phải phát tâm vô thương bồ-đề làm đầu tiên (Tổ chỉ nói cận kề hơn là người mà thật sự vì luân hồi sanh tử phát ra cái tâm Vô thương bồ-đề thì cái tâm ấy mới là tâm bồ-đề chân thật) và một lòng nhớ nghĩ đến Phật A-di-đà (tức là niệm Phật, tức là trì danh hiệu Phật; Tổ chỉ nói cận kề hơn là phải có tín sâu, nguyện thiết thì mới có thể một lòng niệm Phật được) chứ không hề nói khác bộ kinh này.

Chư vị đồng tu chắc chắn ai ai cũng biết không những Tổ thứ 12 dạy như vậy, mà từ Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư cho tới Tổ thứ 13 Ấn Quang đại sư đều dạy như vậy, hoặc lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không cũng thường dạy rằng: “Phát bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, trường kỳ huân tu” cũng là một ý này, dạy đúng theo lời Phật dạy không dám sai sót một chút nào; chư Tổ có y lời Phật mà dạy như vậy thì chúng sanh được giáo hóa mới chân thật ngay trong một đời vãng sanh thành Phật.

Bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm, chương 24 khi nói về bậc trung, ngay lập tức nói về việc làm nhiều công đức là việc phải làm đầu tiên, làm trước nhất; đặt câu “...nhưng làm nhiều công đức...” trước câu “...phát tâm Vô thương Bồ đề...”. Ở phía dưới, bản Việt dịch này còn nói rất rõ ràng làm nhiều công đức ở đây là làm những công đức gì nữa: “...làm nhiều công đức giữ gìn trai giới, xây dựng tháp tượng, cúng dường treo phan đốt đèn dâng cúng hoa hương...”. Thật sự dạy người tu Tịnh Độ sai tông chỉ bộ kinh, sai tông chỉ Tịnh Độ. Cái sai này lớn lắm vì không dạy người tu Tịnh Độ vãng sanh thành Phật như Phật và chư Tổ đã dạy mà lại dạy họ đi đọa lạc luân hồi.

Tôi có nghe từ một cô Phật tử nói rằng mình nghe giảng kinh Vô Lượng Thọ từ một vị nọ rất nổi tiếng (xin phép không nêu tên hiệu vị ấy ở đây để giữ hòa khí), tôi cũng lấy làm hoan hỷ lắm, nhưng cô ấy bảo vị này giảng rằng: “Các ông, các bà đừng lo lắng, cứ làm thật nhiều công đức như: ăn chay, giữ giới, cúng tiền xây

chùa, đúc tượng Phật, cúng dường cho quý sư thầy, sư cô v.v... thật nhiều, rồi hồi hướng công đức đó cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc thì các ông, các bà sẽ được vãng sanh hàng Trung phẩm đó, không phải là nhỏ đâu!”. Bất đắc dĩ lắm tôi mới phải lấy dẫn chứng cụ thể, tôi biết mình là hàng cư sĩ, không nên nói lỗi người khác; nhưng giống như đã bị dồn vào đường cùng, tôi mang ơn Phật, Phật dạy tôi một đời này vãng sanh thành Phật, cư sĩ như tôi không thể im lặng được, phải nói ra để giúp mình cùng giúp người.

Thật ra không chỉ có một vị này mà có đến một vài vị (không phải lỗi của các vị ấy) nhưng vì những vị ấy dùng bản Việt dịch này giảng dạy cho đại chúng tu Tịnh Độ nghe mới xảy ra sự việc đáng buồn đó. (Vì đề kinh ghi rõ là lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch thì dịch sai thế nào được?); có một vị rất nổi tiếng còn giới bản Việt dịch này lên nói với đại chúng: “Các ông, các bà thấy không, lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm ngài dịch ra quyển này, ngài đã vãng sanh rồi, chúng ta phải tin tưởng”.

Đối với hạng phàm phu nghiệp nặng, chương sâu như chúng ta thì những việc làm ấy sao dám gọi là công đức chân thật? Phải gọi đó là phước đức, như vua Lương Võ Đế ngày xưa là một Phật tử thuần thành, làm rất nhiều việc thiện, là một vị đại hộ pháp nhà Phật, vua thường tu trai giới thanh tịnh, xây dựng rất nhiều chùa chiền, đúc tượng Phật, cúng dường trai tăng v.v...; khi gặp Tổ Đạt Ma, vua hỏi Tổ rằng: “Bản thân làm nhiều việc thiện như vậy được nhiều công đức chăng?”, Tổ trả lời: “Không có công đức gì!”. Chư cô đức cũng nói rằng đời này tu hành mà không giải thoát nổi thì sang đời thứ hai hưởng phước do nhân tu trong đời thứ nhất, hưởng phước thì quên đi tâm tu hành giải thoát mà lại thường thích tạo nghiệp ác, đến đời thứ ba khi hưởng hết phước hữu lậu thì đọa lạc vào ba đường ác; vậy tôi nói dịch kinh sai lời Phật như vậy sẽ không dạy người ta thành Phật mà dạy người ta đi đọa lạc luân hồi cũng không sai.

Trong Chú Giải kinh Vô Lượng Thọ ngài Hoàng Niệm Tổ đã minh xác tông thú kinh Vô Lượng Thọ như sau: “Kinh này dùng phát bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm làm Tông; sanh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, chóng lên địa vị bất thoái làm Thú (Thú: nghĩa là quy thú, hướng đến, quay về).”; lại nữa, Tổ thứ 9 Ngẫu Ích đại sư cũng nói rằng: “Được vãng sanh hay chẳng đều do Tín Nguyện có hay không, phẩm vị cao hay thấp đều do công phu trì danh sâu hay cạn” thì chư vị thấy ý giảng của vị dựa vào kinh Vô Lượng Thọ bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch mà giảng rằng: “Các ông, các bà đừng lo lắng, cứ làm thật nhiều công đức như: ăn chay, giữ giới, cúng tiền xây chùa, đúc tượng Phật, cúng dường cho quý sư thầy, sư cô v.v... thật nhiều, rồi hồi hướng công đức đó cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc thì các ông, các bà sẽ được vãng sanh hàng Trung phẩm đó, không phải là nhỏ đâu!” thật hại người hết sức.

Đến đây đã rõ đâu là Phật, đâu là ma; đâu là chánh, đâu là tà; đâu là đúng, đâu là sai; gây nguy hại cho lợi ích của những người niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc vô cùng lớn, tôi và chư vị chắc chắn khẳng định: bản Việt dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch đã dịch nhầm rất nhiều so với lời dạy của Phật trong kinh.

Dưới đây là bản so sánh chi tiết từng lỗi nhầm lẫn trong bản Việt dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm. Kính xin chư vị liên hữu đồng tu cùng nhau xem xét.

Lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm (mạo danh HT. Thích Đức Niệm) và cư sĩ Minh Chánh	Lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh (Trung tâm dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang)
Phẩm-Trang/Hàng (↑: từ dưới đếm lên; ↓: từ trên đếm xuống)	Trang/Hàng (↑: từ dưới đếm lên; ↓: từ trên đếm xuống)
1-14/6→7 ↑: đại thánh chúng tỳ kheo	10/8→10 ↓: đại tỳ kheo ... ở ngôi đại thánh
2-15/8 ↓: mười sáu vị bồ-tát tại gia	11/5→6 ↓: mười sáu Chánh sĩ bồ-tát
2-15/2 ↑: tuân theo hạnh nguyện	11/3→4 ↑: tu theo đức hạnh
2-15/1 ↑: thật hành vô lượng hạnh	11/2→3 ↑: đầy đủ vô lượng hạnh nguyện
2-15/3 ↓: làm các công đức	11/1→2 ↑: an trú tất cả công đức
2-16/2 ↓: quyền hành phương tiện	11/1 ↑ và 12/2 ↓: thực hành phương tiện
2-16/5 ↓: nguyện chúng sanh ở	12/4 ↓: nguyện thành Phật ở
2-16/8→9 ↑: người trời quy ngưỡng. Chuyển bánh xe pháp	12/6→7 ↑: trời người quy ngưỡng thỉnh chuyển pháp luân
2-16/1 ↑: Làm phép quán đảnh	13/4→5 ↓: lên bậc Quán đảnh
2-17/3→4 ↓: biểu thị vô biên công hạnh	13/7 ↓: thường tu vô biên các hạnh
2-17/5 ↓: thiện căn cho hàng bồ-tát	13/8→9 ↓: căn lành bồ-tát
2-17/6 ↓: Phật đồng đến hộ niệm	13/9→10 ↓: Phật cùng hộ niệm
2-17/11 ↓: thông đạt tánh tướng ...	13/3 ↑: thông đạt pháp tánh, rõ tướng ...
2-18/10 ↓: khai thị thật tướng vũ trụ	15/2 ↓: chỉ bày bờ mé chân thật
2-18/10 ↑: nguyện độ thoát chúng sanh	15/3→4 ↓: an trú trong đạo cứu thế
2-18/8→9 ↑: với lục đạo phàm phu	15/6 ↓: của các chúng sanh
2-18/2 ↑: biểu hiện cõi mở	15/6 ↑: như chính thân mình
2-18/1 ↑: mong độ chúng sanh ...	15/5 ↑: cứu vớt mọi loài ...
2-19/2→3 ↓: được vô lượng công đức	15/4→3 ↑: được các công đức của vô lượng Phật
3-19/6→7 ↑: sáng chói như ... *thiếu: như khối vàng ròng	17/5 ↓: sáng rõ như khối vàng ròng
3-19/6 ↑: chiếu rõ ...	17/7 ↓: phóng ánh sáng lớn biến hóa ...
3-20/4 ↑: bố thí các bậc A la hán	19/4→5 ↓: cúng dường các A la hán

4-22/7→10↓: Như Lai ... <u>Phật, Thế Tôn</u> : có đến 11 danh hiệu (thừa một do trùng với một trong 10 danh hiệu)	21/9↓: 10 hiệu (chú thích ở trang 200)
4-22/4→5↑: <u>trao</u> ngôi vua	21/2→3↑: <u>từ bỏ</u> ngôi vua
4-24/7↑: kiên đồng cầu <u>Chánh giác</u>	24/8→9↓: <u>dững</u> mãnh cầu <u>thành Phật</u>
4-24/4↑: <u>Chạm</u> đến được ... thanh tịnh	24/5→4↑: <u>Cảm</u> được cõi <u>Phật</u> ... thanh tịnh
4-25/4↓: quyết định kiên cố <u>tu</u>	25/5→6↑: luôn bền vững : kiên cố <u>lực</u>
5-26/5↓: súc sanh * <u>thiếu</u> : <u>quyên</u> <u>nhuyễn</u> <u>loại</u>	26/1↑: <u>côn</u> trùng nhỏ nhít
5-27/7→8↓: nguyện được viên mãn	28/7→8↑: thành tựu <u>lời</u> <u>nguyên</u> cầu này
5-28/4→5↓: hai mươi một <u>vô số</u>	29/4↑: hai mươi một <u>câu</u> <u>chỉ</u> (ngàn vạn)
5-28/6→7↓: <u>thành</u> một nước <u>Phật</u>	29/3↑: <u>như</u> một cõi <u>Phật</u>
6-29/8→9↓: thành đấng <u>Chánh</u> <u>giác</u> rồi cõi nước của <u>Phật</u> ở	31/7→8↓: nếu con chứng được <u>Vô</u> <u>thượng</u> <u>Bồ</u> - <u>đề</u> thì cõi nước con
6-29/7→8↑: ba đường ác cho đến từ địa ngục	31/4→5↑: bị dọa địa ngục trong ba cõi ác
6-29/1→2↓: không thành <u>Chánh</u> <u>giác</u>	32/3→4↓: không <u>thành</u> <u>Phật</u>
6-30/9↓: đồng một <u>dung</u> <u>nhân</u>	32/8↑: <u>dung</u> <u>ngi</u> <u>đoan</u> <u>chánh</u>
6-32/8→9↓: mười phương chư <u>Phật</u> * <u>thiếu</u> : hơn các <u>Phật</u> khác	34/1→2↑: hơn các <u>Phật</u> khác
6-33/4↑: hết lòng <u>tin</u> <u>tưởng</u>	36/8↑: chí tâm tin ưa (chí tâm tín nạo)
6-34/9↑: <u>ngĩ</u> đến con	37/8→9↓: <u>xung</u> <u>niệm</u> <u>danh</u> <u>hiệu</u> của con
6-35/10→11↑: * <u>dur</u> : lạc vào ba đường ác	38/6↑: liền được sanh về
6-35/5↑: không có <u>phụ</u> <u>nữ</u>	38/1↑: không có <u>người</u> <u>nữ</u>
6-36/3→4↓: hoa sen <u>thất</u> <u>bảo</u>	39/10↓: hoa sen trong <u>ao</u> <u>bảy</u> <u>báu</u>
6-36/9↑: vui mừng <u>tin</u> <u>tưởng</u>	39/3↑: vui vẻ <u>tin</u> <u>ưa</u>
6-36/6→7↑: ... <u>người</u> <u>đòi</u> ... tôn kính	39/1↑: <u>trời</u> <u>người</u> đều tôn kính
6-36/3↑: tu thù thắng <u>phạm</u> <u>hạnh</u>	40/4→5↓: tu <u>thắng</u> <u>hạnh</u>
6-37/10↑: tham đắm thân sau	40/5↑: tham chấp <u>thân</u> <u>thể</u>
6-38/6→7↑: độ sanh, giáo hóa ... * <u>thiếu</u> : mặc giáp <u>thệ</u> <u>nguyện</u>	41/2↑: mặc giáp <u>thệ</u> <u>nguyện</u>
6-39/7→11↓: ăn uống ... mãn <u>nguyện</u>	42/3→6↑: uống, ăn ... ý niệm thọ nhận ...
6-39/4↑: thanh tịnh <u>sáng</u> <u>chói</u>	43/4↓: thấy đều <u>sáng</u> <u>sạch</u>
6-39/2→3↑: dù có thiên nhân	43/7↓: đủ sức thiên nhân
6-39/1↑: hình sắc, <u>hình</u> <u>tướng</u>	43/8↓: hình sắc, <u>ánh</u> <u>sáng</u>
6-40/2↓: số lượng <u>chúng</u> <u>sanh</u>	43/8→9↓: tên gọi số lượng
6-40/9→10↓: các bậc bồ-tát <u>trung</u> <u>phẩm</u> cũng có thể biết rõ	43/2→3↑: bồ-tát <u>trong</u> <u>đó</u> ... căn lành kém ít cũng hiểu biết được
6-40/7→8↑: thấy rõ vạn tượng ...	44/4↓: thấy mặt <u>chính</u> <u>mình</u>
6-41/9→10↓: lầu các ao nước ... trong nước	45/2→3↓: lầu gác ao sen ... <u>trong</u> <u>cõi</u> <u>nước</u>
6-42/4↓: không mất <u>định</u> <u>ý</u>	45/2↑: không mất <u>chánh</u> <u>định</u>
7-43/7↓: Con lập <u>nguyện</u> <u>hơn</u> <u>đòi</u>	47/7↓: Chí con lập <u>siêu</u> <u>thế</u>
8-46/9→10↑: kiến lập vĩnh viễn	51/7→9↑: trang nghiêm không hề suy giảm

8-47/5→7↑: <u>bồ thí ... trí huệ sáu Ba-la-mật</u>	53/5→7↓: <u>sáu độ : bồ thí ... trí huệ</u>
8-47/3→4↑: <u>đạo Vô thượng Chánh giác</u>	53/9↓: <u>đạo chân chánh Vô thượng</u>
8-48/10↓: <u>Miệng thường tỏa ...</u>	54/3→4↓: <u>Thân miệng thường tỏa ...</u>
9-49/6→11↓: <u>trong tất cả pháp mà được tự tại ... cõi Phật được</u>	55/7→12↓: <u>được tự tại với tất cả pháp <u>an trú cõi Phật</u></u>
9-50/2↓: <u>chỉ có một nguyện</u>	56/8→9↓: <u>vì nguyên độ sanh</u>
10-50/5→6↑: <u>một bó hoa bằng vàng</u>	57/8↓: <u>một <u>chiếc</u> lọng vàng</u>
20-67/2↑: <u>thổi bảy hàng cây báu</u>	86/1↑: <u>gió <u>thổi</u> cây báu</u>
22-70/3↓: <u>không có nhà ở riêng biệt</u>	90/4→5↑: <u>không có <u>thủ xả</u> phân biệt</u>
22-70/10↑: <u>không biết rõ <u>nhân quả</u></u>	91/1→2↑: <u>không thể nào biết <u>lập nhân ấy</u></u>
24-72/11↓: <u>hoa sen bảy báu</u>	95/2→3↓: <u>ao bảy báu</u>
24-73/3→4↓: <u>không làm sa môn, <u>nhưng làm nhiều công đức</u></u>	95/6→7↑: <u>không làm sa môn tu công đức lớn</u>
25-74/3↑: <u>Lại này A Nan! ... nghe kinh này <u>thọ trì đọc tụng...</u></u>	75/8↑, trước đoạn: <u>Lại nữa A Nan! Nếu có chúng sanh <u>muốn sanh về nước kia</u>, tuy không siêng năng <u>thiền định ...</u> (xem trang 99)</u>
26-81/8↑: <u>chuyên cầu <u>tinh</u> cõi Phật</u>	106/1↑: <u>chuyên cầu <u>cõi Phật tinh</u></u>
26-81/2↑: <u>thù thắng <u>vô biên</u> cõi</u>	107/7↓: <u>cõi <u>thù thắng vô biên</u></u>
26-82/4↓: <u>lập thế <u>nguyên Bồ tát</u></u>	107/7↑: <u><u>Bồ tát</u> phát chí <u>nguyên</u></u>
26-82/5↓: <u>Nguyện <u>cõi này</u> không khác</u>	107/6↑: <u>Nguyện <u>cõi mình</u> cũng vậy</u>
28-85/2↓: <u>lời <u>nguyện</u> cầu khi nào</u>	112/7↑: <u>miệng <u>muốn</u> nói gì</u>
28-86/3↓: <u>trao <u>lành</u> gái tín</u>	113/1→2↑: <u>thiện <u>nam</u> tín <u>nữ</u></u>
28-86/5↓: <u><u>hương tâm</u> về <u>bồ-tát Quán Thế Âm</u></u>	114/1→2↑: <u><u>xưng niệm</u> <u>bồ-tát Quán Âm</u></u>
29-87/11↑: <u>chỉ có một <u>pháp</u> không có tăng thêm</u>	116/2→3↑: <u>thường <u>hằng</u> như <u>một</u> không có tăng giảm</u>
30-88/6↑: <u>nhục <u>nhân</u> thì <u>so</u> đo</u>	118/4→5↑: <u>nhục <u>nhân</u> <u>phân</u> biệt</u>
30-89/5↑: <u>giảng <u>giải</u> về <u>tứ</u> đế</u>	120/3→4↓: <u>biết rõ <u>tập</u> diệt <u>phương</u> tiện</u>
30-89/4→5↑: <u>không thích <u>học</u> <u>thuyết</u> <u>thế</u> <u>gian</u></u>	120/5→6↓: <u>không ưa thích <u>ngôn</u> <u>ngữ</u> <u>thế</u> <u>tục</u></u>
30-90/7↓: <u>không <u>nhờ</u> người khác</u>	120/1↑: <u>không <u>từ</u> người khác</u>
31-90/5↑: <u>hùng <u>hực</u> như <u>lửa</u> <u>đốt</u> <u>hết</u> <u>phiền</u> <u>não</u></u>	121/7→8↓: <u>rực <u>sáng</u> như <u>lửa</u> <u>đốt</u> <u>củi</u> <u>phiền</u> <u>não</u></u>
31-91/3→4↓: <u>hoa <u>sen</u> <u>lìa</u> <u>xa</u> <u>ô</u> <u>nhĩm</u></u>	121/1→2↑: <u>như <u>sen</u> <u>không</u> <u>hề</u> <u>ô</u> <u>nhĩm</u></u>
31-91/12↓: <u>người <u>vui</u> <u>tín</u> <u>phục</u></u>	122/8↑: <u>đại <u>chúng</u> <u>vui</u> <u>vẻ</u> <u>tuân</u> <u>phục</u></u>
32-93/10↓: <u>dung <u>cách</u> <u>trùm</u> <u>cả</u> <u>thái</u> <u>hư</u></u>	126/2→3↓: <u>đồng <u>với</u> <u>hư</u> <u>không</u></u>
33-95/9↑: <u>vì <u>sự</u> <u>tranh</u> <u>đua</u> (*<u>thiếu</u>: những <u>chuyện</u> <u>không</u> <u>đâu</u>)</u>	129/4→5↓: <u>... những <u>chuyện</u> <u>không</u> <u>đâu</u></u>
33-95/1↑: <u>nên <u>ít</u> <u>muốn</u> <u>vừa</u> <u>đủ</u></u>	129/6↑: <u>vừa <u>được</u> <u>chút</u> <u>ít</u></u>
33-96/6↓: <u>mạng <u>chung</u> <u>hết</u> <u>thở</u> <u>không</u> <u>ai</u> <u>tránh</u> <u>khỏi</u></u>	129/1→2↑: <u>chết <u>đi</u> <u>bỏ</u> <u>lại</u> <u>tất</u> <u>cả</u> <u>chẳng</u> <u>mang</u> <u>theo</u> <u>được</u></u>

33-96/11↓: nên <u>thông cảm</u> nhau	130/6→7↓: <u>giúp đỡ</u> lẫn nhau
33-97/10↑: đòi trước ngu muội	131/5↑: người trước hung ác
33-97/1↑: không ngoài tình dục	132/8↓: tham đắm dục tình
33-98/5↑: uổng phí <u>đòi sau</u>	133/1→2↑: phải chịu <u>sau người</u>
34-99/10→11↑: niệm Phật <u>quan trọng hơn</u>	134/1↑: <u>phải nên</u> niệm Phật
35-104/5→6↑: ai cầu xin gì cũng không chấp thuận	141/2→3↑: những việc đáng làm lại chẳng chịu làm
36-108/2↑: thấy sự <u>chiêu cảm</u>	147/6↑: Đại chúng nên biết
36-110/9↑: uổng phí một đời	149/1↑: mất đi công phu
37-112/5↓: Phật còn tại thế	152/3↓: Phật <u>đi đến</u> đâu
37-112/4↑: lên <u>chốn</u> an lạc vô vi	152/3↑: được năm đức an ổn vô vi
39-119/8→9↓: <u>nương</u> nơi cung điện	161/9↓: mang theo cung điện
40-121/9↑: không thể <u>đến</u> thẳng cõi	164/8→9↑: không <u>đến</u> trước Phật Vô Lượng Thọ
40-122/7↑: trong <u>hoa</u> thất bảo	165/2↑: trong <u>hoa</u> sen báu
41-124/10↓: được <u>giải</u> thoát	168/4↓: được <u>thả</u> ra
41-126/11↓: <u>luông</u> dối phân biệt	170/9→10↓: phân biệt <u>làm</u> lẫn
41-127/3→4↓: dứt bỏ <u>dục</u> tướng	171/4↓: <u>muốn</u> cứu vớt họ
42-128/8↑ và 128/10↑: <u>đã</u> sanh	173/3↑ và 173/5↑: <u>sẽ</u> sanh
42-128/9↑: Bồ tát sơ phát tâm	173/4↑: Bồ tát <u>hạnh</u> nhỏ
42-129/11↑ và 129/5↑: <u>đã</u> sanh	175/9↑ và 175/5↑: <u>sẽ</u> sanh
42-130/9↑: Bồ tát <u>đã</u> vắng sanh	175/5↑ và 175/2↑: <u>sẽ</u> sanh
42-130/3↑: trai lành <u>gái</u> tín	176/7↓: thiện <u>nam</u> tín nữ
43-132/7→8↓: không có tâm <u>sai</u> trái	177/1→2↑: không sanh <u>chống</u> trái
45-135/1→2↑: nghe <u>lời</u> Phật	183/4→5↓: nghe được <u>tên</u> Phật
45-136/3→4↓: từng <u>làm</u> Phật sự	183/7→8↑: từng <u>tu</u> Phật đạo
46-137/10→11↓: nguyện như Phật	185/5→6↓: hiểu với Phật
46-137/5→6↑: <u>kinh</u> pháp <u>nhiều</u> ít nhớ kỹ không quên quyết được đạo quả	185/8→5↑: không được hư vọng <u>thêm</u> bớt <u>kinh</u> pháp, thường niệm miên mật, mau chứng được đạo
47-138/6↓: Nếu <u>xa</u> xưa không tu	186/6↓: Nếu <u>đòi</u> trước không tu
47-139/2↑: kẻ học rộng trí cả	187/1↑: người trí biết rộng sâu
47-140/3↓: Nên vui mừng hãy chuyên niệm Phật	188/4→5↓: Phải thường niệm Phật sanh hoan hỷ
47-140/4↓: Thọ trì <u>quyết</u> thoát <u>biển</u> sanh tử	188/3↑: Thọ trì <u>độ</u> khắp chúng sanh tử
48-142/4↓: hoa đẹp thơm <u>rưới</u> xuống	191/6→7↑: hoa đẹp <u>rơi</u> xuống như mưa

